TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 – NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 142/2026/QĐST-HNGĐ	*Ninh Bình, ngày 15 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 07/2026/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2026, giữa:

***Nguyên đơn*:** Chị Trần Thị T, sinh ngày 08/10/2004; Căn cước công dân số 036304004671 cấp ngày 10/5/2021; Nơi cư trú: Thôn D, phường H, tỉnh Ninh Bình;

Bị đơn: Anh Trần Tuấn A, sinh ngày 29/11/1982; Căn cước công dân số 036082019015 cấp ngày 16/3/2023; Nơi cư trú: Thôn D, phường H, tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 107 và Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Trần Tuấn A.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Trần Tuấn A thuận tình ly hôn.

b. Về con chung: Giao con chung là Trần Khánh H, sinh ngày 24/02/2024 cho chị Trần Thị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung thành niên. Anh Trần Tuấn A phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị T là 4.000.000 đồng/1 tháng, kể từ tháng 6 năm 2026 đến khi con chung thành niên, tự lập. Hiện nay con chung đang ở cùng chị T. Hai bên có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Anh Trần Tuấn A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

c. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị T và anh Tuấn A xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

d. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị T nhận nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Đối trừ vào khoản tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0000130 ngày 09 tháng 01 năm 2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Chị T đã nộp xong án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh + khu vực 9;
- THA dân sự tỉnh;
- Đương sự;
- UBND phường Hồng Quang;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

THẨM PHÁN

Phạm Thúy Nga